TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2023
V/v Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Nguyễn E, sinh năm 1967. Địa chỉ: 552 H S, Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2- Bị đơn: Bà Châu Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: 552 H S, Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1996
2. Chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: 552 H S, Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2023, các lời khai có tại hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn E trình bày:

Ông và bà Châu Thị H kết hôn với nhau từ năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tháng 9 năm 2009 bà Châu Thị H tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ, nên ông có làm đơn yêu cầu tuyên bố bà Châu Thị H mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2021/QĐDS – ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân

thành phố P, tỉnh Gia Lai đã tuyên bố bà Châu Thị H mất tích. Đến năm 2021 ông và bà H đã ly hôn theo Bản án số 49/2021/HNGĐ – ST ngày 28/6/2021 của TAND thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông và bà H hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, sau khi ly hôn ông có yêu cầu muốn phân chia tài sản chung để có nguồn vốn làm ăn và sinh sống.

Vì vậy, ông yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà Châu Thị H sau khi ly hôn như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa số 17, tờ bản đồ số 10, diện tích 2031m^2, tại: Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đất đã có Giấy chứng nhận quyên sử dụng đất số DĐ 755915 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/11/2022 (Cấp mới lại, cấp cũ vào ngày 15/11/2003). Giá trị tài sản nhà và đất là 10.953.726.520 đồng. Về nghĩa vụ chung ông và bà H không nợ tài sản ai.

Ông yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật; mỗi người ông và bà H nhận ½ giá trị tài sản nêu trên ông có yêu cầu nhận phần đất có căn nhà để ở và sẽ thanh toán phần chênh lệch về tài sản cho bà Hòa.

Ông đồng ý kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như Hội đồng định giá ngày 13/6/2023. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Châu Thị H: Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2021/QĐDS – ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã tuyên bố bà Châu Thị H mất tích; Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Châu Thị H đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, bà Châu Thị H tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Thu T2 trình bày:

Anh T1 và chị T2 là con của ông Nguyễn E, sinh năm 1967 và bà Châu Thị H, sinh năm 1974. Tháng 9 năm 2009 mẹ anh T1 và chị T2 là bà Châu Thị H tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ, nên ba của anh T1 và chị T2 là ông Nguyễn E có làm đơn yêu cầu tuyên bố bà Châu Thị H mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2021/QĐDS – ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã tuyên bố bà Châu Thị H mất tích. Đến năm 2021 ba của anh T1 và chị T2 là ông Nguyễn E và mẹ là bà H đã ly hôn theo Bản án số 49/2021/HNGĐ – ST ngày 28/6/2021 của TAND thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi ly hôn ông Nguyễn E không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn ông Nguyễn E có yêu cầu muốn phân chia tài sản chung để có nguồn vốn làm ăn và sinh sống.

Nay ba của anh T1 và chị T2 là ông Nguyễn E có yêu cầu chia tài sản chung của ba mẹ anh T1 và chị T2 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa số 17, tờ bản đồ số 10, diện tích 2031m^2, tại: Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh

Gia Lai. Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 755915 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/11/2022 (Cấp mới lại, cấp cũ vào ngày 15/11/2003). Giá trị nhà và đất là 10.953.726.520 đồng.

Ba của anh T1 và chị T2 là ông Nguyễn E yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật; mỗi người nhận ½ giá trị tài sản, ông Nguyễn E có yêu cầu được nhận phần đất có căn nhà để ở. Anh T1 và chị T2 không có ý kiến gì, đồng ý theo yêu cầu của ông Nguyễn E, và hiện nay ông bà ngoại của anh T1 và chị T2 là ba mẹ của bà H đã chết từ lâu, bà Châu Thị H bị tuyên tố mất tích nên anh T1 và chị T2 có đề nghị khi Tòa án phân chia tài sản chung của ông Nguyễn E và bà Châu Thị H, phần tài sản bà Châu Thị H được nhận xin tạm giao cho anh T1 và chị T2 là con của bà H tạm thời quản lý.

Anh T1 và chị T2 đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13/6/2023. Ngoài ra anh T1 và chị T2 không có yêu cầu gì khác.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*:

Ông Nguyễn E có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với bà Châu Thị H theo quy định của pháp luật.

Đơn khởi kiện của ông Nguyễn E được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Bà Châu Thị H có nơi cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn".

[2] *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:*

Bị đơn là bà Châu Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*

Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh về tài sản chung của vợ chồng thì thấy rằng: Ông Nguyễn E và bà Châu Thị H kết hôn năm 1994 đến năm 2021 thì ly hôn. Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 10, diện tích 2031m^2 địa chỉ tại Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 755915 vào ngày 02/11/2022 cho ông Nguyễn E, nhưng cấp cũ vào ngày 15/11/2003. Như vậy, thửa đất trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của ông E, bà H có được trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn E yêu cầu chia đôi số tài sản chung nêu trên và ông yêu cầu được nhận phần đất có căn nhà để ở, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch về tài sản cho bà Châu Thị H.

Xét yêu cầu chia đôi số tài sản chung nêu trên của ông Nguyễn E phù hợp với quy định tại Khoản 2, 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận, xét về hoàn cảnh của ông Nguyễn E, lâu nay vẫn lao động sinh sống trên mảnh đất có căn nhà nên cần giao cho ông Nguyễn E tiếp tục ở trên phần đất có căn nhà để ở, ông Nguyễn E có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch về tài sản cho bà Châu Thị H là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật HNGĐ thì tài sản chung của vợ chồng sẽ được chia bằng hiện vật nên phần quyền sử dụng đất của ông E, bà H sẽ được tách ra và chia làm hai phần. Bà H đã bỏ đi từ năm 2009 đến nay, ông E vẫn ở trên căn nhà tại thửa đất trên nên sẽ tiếp tục giao cho ông E quản lý, sử dụng ½ phần diện tích đất có nhà cùng các tài sản gắn liền với đất (Phần I – Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2023).

Theo biên bản định giá tài sản ngày 13 tháng 6 năm 2023, Hội đồng định giá đã định giá tài sản là nhà, đất và các tài sản trên đất có tổng trị giá là 10.953.726.520 đồng, chia đôi ông Nguyễn E và bà Châu Thị H mỗi người được hưởng ½ tổng trị giá là 5.476.863.260 đồng

Giao ông Nguyễn E được quyền sử dụng phần đất có diện tích 941m^2 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ755915 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/11/2022 cho ông Nguyễn E (cấp cũ ngày 15/11/2003) thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá nhà, đất và các tài sản trên đất là 5.560.486.520 đồng, có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch về tài sản cho bà Châu Thị H số tiền 83.623.260 đồng.

Giao bà Châu Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 775m^2 và tài sản gắn liền với đất theo theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ755915 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/11/2022 cho ông Nguyễn E (cấp cũ ngày 15/11/2003) thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá đất và các tài sản trên đất là 5.393.240.000đồng, và số tiền 83.623.260 đồng do ông Nguyễn E thanh toán phần chênh lệch về tài sản.

Hiện bà H đã mất tích theo Quyết định của Toà án, anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Thu T2 là con ruột của bà Châu Thị H có yêu cầu được quản lý đối với phần tài sản được chia cho bà Châu Thị H, cha mẹ của bà Châu Thị H đã mất từ lâu, căn cứ vào điều 69 của Bộ luật Dân sự Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T1 và chị T2 phần tài sản của bà H sẽ giao cho anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Thu T2 quản lý đối với ½ phần diện tích đất còn lại (Phần II – Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2023) là phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ chung: Ông E và bà H không nợ tài sản ai, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.200.000 đồng, nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này và tự nguyên chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xét sự tự nguyện này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Ông Nguyễn E và bà Châu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điêỳ 146, Điều 147, Khoản 2 Điều 157, Khoản 2 Điều 165 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 33, 34, 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 69 của Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn E

1. Giao cho ông Nguyễn E được quyền sử dụng phần đất có diện tích có diện tích 941m^2 thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 10; Địa chỉ: Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ755915 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/11/2022 cho ông Nguyễn E (cấp cũ ngày 15/11/2003) có tứ cận:

Phía Đông giáp đất còn lại (phần II, không có nhà) có kích thước 47,6m

Phía Tây giáp thửa 49, tờ bản đồ 04 cũ có kích thước 56,93m

Phía Nam giáp đường nhựa hiện trạng có kích thước 19,75m

Phía Bắc giáp đường Hoàng Sa có kích thước 17,89m

Trị giá của toàn bộ phần đất này theo giá thị trường là 5.368.500.000 đồng (*Năm tỉ ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*)

Ông Nguyễn E được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở riêng lẻ một tầng có kết cấu móng xây đá, tường xây gạch, nền xi măng, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn, diện tích xây dựng 69m^2; 01 giếng đào có

đường kính 1,2m độ sâu trên 28m; 01 mái che khung thép hình, cột thép, đường kính đến phi 50mm có diện tích 15m^2, nền bê tông đá 4x6 dày 10cm, mắt láng vữa xi măng dày 3cm. Tổng giá trị các tài sản trên đất là 191.986.520 đồng

Ông Nguyễn E có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho bà Châu Thị H số tiền là 83.623.260 đồng.

2. Giao cho bà Châu Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích có diện tích 775m^2 thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 10; Địa chỉ: Thôn 03, xã D P, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ755915 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/11/2022 cho ông Nguyễn E (cấp cũ ngày 15/11/2003) có tứ cận:

Phía Đông giáp đường đất hiện trạng có kích thước 47,6m

Phía Tây giáp phần đất còn lại (phần I có nhà) tờ bản đồ cũ có kích thước 47,6m

Phía Nam giáp đường nhựa hiện trạng có kích thước 19,8m

Phía Bắc giáp đường Hoàng Sa có kích thước 17,9m

Trị giá của toàn bộ phần đất này theo giá thị trường là 5.368.500.000 đồng (*Năm tỉ ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*)

Bà Châu Thị H được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 50 trụ tiêu đang kinh doanh trị giá 24.740.000 đồng và số tiền chênh lệch giá trị tài sản ông Nguyễn E phải hoàn trả là 83.623.260 đồng

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn E và bà Châu Thị H mỗi người được nhận quy ra thành tiền là 5.476.863.260 đồng.

Ông Nguyễn E và bà Châu Thị H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Giao tài sản của bà Châu Thị H cho anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Nguyễn Thị Thu T2 (Là con thành niên cuả bà Châu Thị Hòa) quản lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn E phải chịu 113.476.863 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.750.000 đồng theo biên lai số 0000161 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn E còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 88.726.863 đồng.

Bà Châu Thị H phải chịu 113.476.863 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Quách Đình Hoằng	**Doãn Thị Lệ**	**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Doãn Thị Lệ

Căn cứ Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử tiến hành thảo luận về việc xét xử, hoãn phiên tòa đối với vụ án dân sự thụ lý số 430/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Trình Mỹ Duyên, sinh ngày 27-8-1993

Địa chỉ: 65 Lê Lợi, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Lê Văn Quang, sinh ngày 07-9-1996

Địa chỉ: 66/6 Lý Chính Thắng, tổ 3, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho các đương sự

trong vụ án đến tham gia tố tụng tại phiên tòa công khai vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2019.

Tuy nhiên đến lúc này đã 14 giờ 00 phút ngày 04-9-2019, bị đơn anh Lê Văn Quang vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, cần phải hoãn phiên tòa.

Ý kiến hội thẩm thứ hai và chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

Hội đồng xét xử biểu quyết nhất trí hoãn phiên tòa, kết quả biểu quyết: 3/3.

Việc thảo luận kết thúc hồi 14 giờ 10 phút ngày 04 tháng 9 năm 2019. Đã lập thành biên bản và các thành viên Hội đồng xét xử thống nhất ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**